TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST.
Ngày: 29/10/2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Cao Văn Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huyền
Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2018/TLST- KDTM ngày 07/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-KDTM ngày 15/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV – T.

Địa chỉ: Số 33B, đường P, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc T – Chủ tịch công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Kiên C – Giám đốc Chi nhánh xăng dầu Q khu vực Bắc Trung Bộ (theo văn bản ủy quyền số 90/UQ-CT ngày 09/10/2018 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 03 Lê Lai, phường Đ, TP T.

- Bị đơn: Công ty TNHH thương mại vận tải N.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đồng Thị H – Giám đốc công ty (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/12/2016 Chi nhánh xăng dầu Q khu vực Bắc Trung Bộ (Sau đây gọi tắt là Chi nhánh xăng dầu Q) ký hợp đồng mua bán xăng dầu số 02/BTB – NC/ 2017 với Công ty TNHH thương mại vận tải N (Sau đây gọi tắt là Công ty N), theo

hợp đồng Chi nhánh xăng dầu Q bán xăng, dầu với số lượng thực tế theo nhu cầu của công ty N. Nếu quá thời hạn thanh toán được quy định trong hợp đồng mà không thanh toán thì công ty N phải chịu mức lãi suất trả chậm bằng 150% lãi suất đi vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Q chi nhánh Thanh Hóa tại thời điểm chậm trả.

Sau khi giao kết hợp đồng, Chi nhánh xăng dầu Q đã thực hiện đúng các cam kết theo hợp đồng đã ký, giao hàng đúng số lượng, chất lượng và thời gian theo yêu cầu của công ty N. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty N đã không thanh toán tiền cho Chi nhánh xăng dầu Q theo đúng cam kết. Tính đến ngày 31/12/2017 Công ty N còn nợ Chi nhánh xăng dầu Q số tiền: 1.035.992.300 đồng. Chi nhánh đã nhiều lần yêu cầu Công ty N thanh toán, đến ngày 23/01/2018 Công ty N đã thanh toán được 500.000.000 đồng. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/01/2018 giữa hai bên thì Công ty N còn nợ Chi nhánh xăng dầu Q số tiền là 535.992.300 đồng. Vì vậy Công ty TNHH MTV - Tổng công ty xăng dầu Q ủy quyền cho chi nhánh xăng dầu Q yêu cầu Tòa án buộc Công ty N thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 535.992.300 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 24/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 535.992.300 x 644 ngày x lãi suất 9,5%/năm/365 ngày x 150% lãi quá hạn = 134.761.680 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 670.753.680 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng) Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty N chậm trả thì tiếp tục tính lãi là 9,5%/năm.

- Quá trình giải quyết vụ án bà Đồng Thị H đại diện bị đơn trình bày:

Ngày 29/12/2016 Chi nhánh xăng dầu Q hợp đồng mua bán xăng dầu số 02/BTB – NC/ 2017 với Công ty N, theo hợp đồng Chi nhánh xăng dầu Q bán xăng, dầu với số lượng thực tế theo nhu cầu của công ty N. Nếu quá thời hạn thanh toán được quy định trong hợp đồng thì phải chịu mức lãi suất trả chậm bằng 150% lãi suất đi vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Q chi nhánh Thanh Hóa tại thời điểm chậm trả. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 31/12/2017 Công ty N còn nợ Chi nhánh xăng dầu với số tiền: 1.035.992.300 đồng, ngày 23/01/2018 Công ty N đã trả được 500.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 535.992.300 đồng, kể từ đó Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Chi nhánh xăng dầu Q như đã thỏa thuận, vì hiện nay Công ty làm ăn thua lỗ nên chưa có khả năng trả nợ. Nguyện vọng của bà H là sẽ trả nợ dần cho Chi nhánh xăng dầu Q vào năm 2019 sau khi thay đổi mặt hàng kinh doanh Công ty thu hồi được vốn sẽ trả cho Chi nhánh xăng dầu Q hàng tháng theo thu nhập mới của Công ty. Nếu không được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bà Đồng Thị H có đơn gửi đến Tòa án thể hiện bà đồng ý với mức lãi suất Chi nhánh xăng dầu Q yêu cầu là 9,5%, lãi quá hạn là 150%.

Các bên đương sự có đơn xin xử vắng mặt.

Ý kiến đại diện VKSND huyện Quảng Xương:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 Điều 228, các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 24, 50, 306 Luật Thương Mại; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 670.753.680 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng). Bị đơn phải chịu lãi 9,5%/năm trên số nợ gốc tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về luật tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn có địa chỉ tại Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng mua bán hàng hóa mà các bên đã giao kết là hợp đồng, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ngày 29/12/2016 Chi nhánh xăng dầu Q ký hợp đồng mua bán xăng dầu số 02/BTB – NC/ 2017 với Công ty N, quá trình thực hiện hợp đồng Chi nhánh xăng dầu Q đã thực hiện đúng các cam kết theo hợp đồng đã ký, giao hàng đúng số lượng, chất lượng và thời gian theo yêu cầu của công ty N. Nhưng Công ty N đã không thanh toán tiền cho Chi nhánh xăng dầu Q theo đúng cam kết. Tính đến ngày 31/12/2017 Công ty N còn nợ Chi nhánh xăng dầu Q số tiền: 1.035.992.300 đồng. Chi nhánh đã nhiều lần yêu cầu Công ty N thanh toán, đến ngày 23/01/2018 Công ty N đã thanh toán được 500.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 535.992.300 đồng. Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc Công ty N thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 535.992.300 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 24/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/10/2019) là: 535.992.300 x 644 ngày x lãi suất 9,5%/năm/365 ngày x 150% lãi quá hạn = 134.761.680 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 670.753.680 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu bảy trăn năm mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi là 9,5%/năm sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn về mức lãi suất là 9,5 % lãi quá hạn là 150% và lãi sau khi án có hiệu lực pháp luật là 9,5%/năm.

Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng Công ty N đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm Điều 50 của Luật Thương Mại và phải chịu nghĩa vụ theo Điều 306 Luật Thương mại; Điều 357 Bộ luật dân sự, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền gốc và lãi là 670.753.680 đồng. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất sau khi án có hiệu lực pháp luật tính lãi suất là 9,5%/năm. Vì vậy bị đơn phải chịu lãi 9,5%/năm tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

[3] Về án phí: Công ty TNHH thương mại vận tải N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH MTV – Tổng công ty xăng dầu Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 24, 50 306 Luật Thương Mại; các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm c tiểu mục 1.4 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV – Tổng công ty xăng dầu Q. Buộc Công ty TNHH thương mại vận tải N phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV – Tổng công ty xăng dầu Q số tiền là 670.753.680 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu bảy trăn năm mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng), trong đó nợ gốc là 535.992.300 đồng, lãi quá hạn là 134.761.680 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo hai bên thỏa thuận là 9,5%/năm tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

* Về án phí: Buộc Công ty TNHH thương mại vận tải N phải chịu 30.830.147 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH MTV – Tổng công ty xăng dầu Q số tiền tạm ứng án phí là 13.467.000^{đ} tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0001379 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Cao Văn Tuấn